

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIÊU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học: 2022-2023
 Trường: THPT Đồng Hòa

1. Chất lượng giáo dục

	ST số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3					
			Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Trong tổng số			Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Trong tổng số			Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Trong tổng số			Khuyết tật
					Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép				Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép				Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	
1. Kết quả học tập																				
1.1. Tiếng Việt																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			922	265	139	8	4	1	351	185	10	6		2	306	168	4		1	
Chưa hoàn thành			295	117	43	7	2	6	82	22	2	2		2	96	33	3		2	
			11	6	1			1	2	1				1	3					
2. Toán																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			873	266	134	8	3	2	300	159	6	4		3	307	158	4		2	
Chưa hoàn thành			334	112	48	7	3	5	130	47	5	3		3	92	42	3		1	
			21	10	1			1	5	2	1	1		6	6	1				
3. Đạo đức																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			1,011	315	159	10	5	3	359	189	9	6		3	337	180	6		3	
Chưa hoàn thành			217	73	24	5	1	5	76	19	3	2		3	68	21	1			
4. Tự nhiên và Xã hội																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			981	307	153	9	4	2	356	189	9	6		3	318	171	7		3	
Chưa hoàn thành			247	81	30	6	2	6	79	19	3	2		3	87	30				
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			638	196	117	6	3	1	232	136	5	3		3	210	128	1			
Chưa hoàn thành			590	192	66	9	3	7	203	72	7	5		3	195	73	6		3	
6. Nghệ thuật (Mỹ thuật)																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			806	262	134	9	4	2	288	167	6	4		3	256	150	2		1	
Chưa hoàn thành			422	126	49	6	2	6	147	41	6	4		3	149	51	5		2	
7. Hoạt động trải nghiệm																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			972	293	151	10	4	2	357	189	9	6		3	322	176	6		3	
Chưa hoàn thành			256	95	32	5	2	6	78	19	3	2		3	83	25	1			
8. Giáo dục thể chất																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			896	276	138	8	3	1	305	166	8	5		3	315	173	3		1	
Chưa hoàn thành			332	112	45	7	3	7	130	42	4	3		3	90	28	4		2	
9. TH-CN (Công nghệ)																				
Hoàn thành tốt	405	405													405	201	7		3	
Hoàn thành			275												275	141	5		2	
Chưa hoàn thành			126												126	59	2		1	
10. TH-CN (Tin học)																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	405												405	201	7		3	
Hoàn thành			245												245	123	4		2	
Chưa hoàn thành			150												150	77	3		1	
11. Ngoại ngữ																				
Hoàn thành tốt	1228	1,228	388	183	15	6		8	435	208	12	8		3	405	201	7		3	
Hoàn thành			740	242	118	8	3	4	245	128	6	4		1	253	126	2			
Chưa hoàn thành			449	124	58	4	1	2	185	78	5	3		1	140	74	4		3	
12. Tiếng dân tộc																				
	1228		39	22	7	3	2	2	5	2	1	1		1	12	1	1			

[illegible]

Chấm chi	1228	1,228	388	183	15	6	8	435	208	12	8	3	405	201	7	3
Tốt		1,033	322	161	12	6	5	377	196	10	6		334	176	4	2
Đạt		193	64	22	3		3	58	12	2	2	3	71	25	3	1
Cần cố gắng		2	2													
Trung thực	1228	1,228	388	183	15	6	8	435	208	12	8	3	405	201	7	3
Tốt		1,058	333	168	12	6	6	382	196	10	6	3	343	182	4	2
Đạt		170	55	15	3		2	53	12	2	2	3	62	19	3	1
Cần cố gắng																
Trách nhiệm	1228	1,228	388	183	15	6	8	435	208	12	8	3	405	201	7	3
Tốt		1,040	317	163	12	5	4	383	196	10	6	3	340	179	4	2
Đạt		186	69	20	3	1	4	52	12	2	2	3	65	22	3	1
Cần cố gắng		2	2													
IV. Đánh giá KQGD	1228	1,228	388	183	15	6	8	435	208	12	8	3	405	201	7	3
- Hoàn thành xuất		483	161	98	5	2	1	194	113	3	2		128	76	1	
- Hoàn thành tốt		88	18	8	1	1		29	18	2	1		41	22		
- Chưa hoàn thành		617	199	76	9	3	6	206	74	6	4	2	212	98	5	3
- Chưa hoàn thành		40	10	1			1	6	3	1	1	1	24	5	1	
V. Khen thưởng		507	179	105	6	3	1	218	128	5	3		110	65	1	
- Giấy khen cấp trường		507	179	105	6	3	1	218	128	5	3		110	65	1	
- Giấy khen cấp trên																
VI. HSDT được trợ giảng																
VII. HS.K.Tất		11	8	3			8	3	1			3				
VIII. HS bỏ học kỳ II																
+ Hoàn cảnh GĐKK																
+ KK trong học tập																
+ Xa trường, đi lại K.Khẩn																
+ Thiên tai, dịch bệnh																
+ Nguyên nhân khác																
IX. Chương trình lớp học	1228	1,228	388	183	15	6	8	435	208	12	8	3	405	201	7	3
Hoàn thành	1189	1,189	378	182	15	6	7	429	205	11	7	2	382	196	6	3
Chưa hoàn thành	39	39	10	1			1	6	3	1	1	1	23	5	1	



 TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG HÒA

 HỌ TÊN TRƯỞNG: Trần Quang Vinh

 Ngày ... tháng 5 năm 2023

